

UBND TỈNH THANH HÓA
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 14 tháng 10 năm 2025

**BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BAN HÀNH MỚI
VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**
*(Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích và tạo điều kiện khu vực kinh tế tư nhân
tiếp cận, đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào sản xuất,
kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2025-2030)*

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025, đã tiến hành xây dựng Bản so sánh, thuyết minh dự thảo văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích và tạo điều kiện khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận, đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2025-2030. Kết quả so sánh, thuyết minh như sau:

1. Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế:

Không ban hành để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật cũ.

2. Đối với văn bản ban hành mới

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định chính sách khuyến khích và tạo điều kiện khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận, đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số vào sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2025-2030.	- Điều này quy định phạm vi, mục tiêu của Nghị quyết nhằm khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tiếp cận, đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh giai đoạn 2025–2030. - Quy định này phù hợp thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025); Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ). - Điều khoản tạo khung chính sách tổng thể để triển khai các hoạt động hỗ trợ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững khu vực kinh tế tư nhân của tỉnh.
Điều 2. Nội dung, mức, đối tượng và hồ sơ hỗ trợ	- Điều này quy định đối tượng, nội dung, mức và hồ sơ hỗ trợ nhằm cụ thể hóa các chính sách khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận, đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. - Nội dung hỗ trợ gồm: đào tạo, tư vấn, tập huấn, hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ thuê không gian làm việc, đổi mới quy trình sản xuất – kinh doanh ứng dụng công nghệ cao. Mức hỗ trợ được xác định theo quy định hiện hành, bảo đảm công khai, minh bạch và đúng đối tượng. - Hồ sơ hỗ trợ được chuẩn hóa, đơn giản, có thể thực hiện trực tuyến, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tiếp cận chính sách.
1. Khuyến khích, tạo điều kiện khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số 1.1. Đối tượng hỗ trợ a) Cán bộ, nhân viên của doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, hợp tác xã không có vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	- Quy định cụ thể các nhóm đối tượng được thụ hưởng chính sách, bao gồm: cán bộ, nhân viên của doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, hợp tác xã; cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng hoặc dự án khởi nghiệp sáng tạo được ươm tạo tại các cơ sở, trung tâm đổi mới sáng tạo; cán bộ, nhân

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
b) Cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng hoặc dự án khởi nghiệp sáng tạo chưa thành lập doanh nghiệp, được ươm tạo tại các cơ sở ươm tạo hoặc trung tâm đổi mới sáng tạo hoặc các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. c) Cán bộ, nhân viên của cơ sở do tư nhân thành lập và đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gồm: cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; trung tâm nghiên cứu và phát triển; trung tâm đổi mới sáng tạo; tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp; quỹ đầu tư.	viên của các cơ sở tư nhân hoạt động trong lĩnh vực ươm tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và đầu tư. - Nội dung này nhằm mở rộng phạm vi thụ hưởng chính sách, bảo đảm bao quát toàn bộ các thành phần tham gia vào hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của tỉnh. Qua đó, tạo điều kiện để đội ngũ nhân lực khu vực tư nhân được tiếp cận, học hỏi, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; hình thành lực lượng thúc đẩy quá trình đổi mới sáng tạo tại cơ sở.
1.2. Nội dung và mức hỗ trợ a) Đối tượng tại mục 1.1 khoản này được cơ quan có thẩm quyền mời, cử hoặc đăng ký hợp lệ tham gia các hoạt động sau: - Hội thảo phổ biến, giới thiệu, tư vấn trực tiếp về các chính sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Trung ương và của tỉnh; - Các khóa tập huấn chuyên sâu về quy trình, thủ tục đăng ký, tiếp cận và thụ hưởng chính sách khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; - Các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và năng lực công nghệ, bao gồm: + Quản trị đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; + Thiết kế, triển khai và quản lý dự án nghiên cứu - phát triển (R&D), phương pháp luận nghiên cứu ứng dụng và phát triển sản phẩm công nghệ; + Định giá công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, quản trị và khai thác tài sản trí tuệ; + Kỹ năng tiếp cận, lựa chọn, hấp thụ và làm chủ công nghệ mới (trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, bán dẫn, công nghệ môi trường, logistics thông minh...); + Xây dựng và vận hành phòng thí nghiệm (Lab), cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp;	- Quy định cụ thể các hình thức hỗ trợ, bao gồm: tham gia hội thảo, tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, diễn đàn, hội chợ, triển lãm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; được hỗ trợ kinh phí đi lại, lưu trú, thuê địa điểm, thù lao giảng viên, tài liệu, chi phí tổ chức theo các định mức chi hiện hành của tỉnh. - Nội dung này thể hiện rõ chính sách khuyến khích và đầu tư cho phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức trung gian được nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực tiếp cận công nghệ mới, kỹ năng chuyển đổi số, kỹ năng quản trị đổi mới sáng tạo và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. - Việc hỗ trợ tham gia các hoạt động hội thảo, diễn đàn, triển lãm trong nước và quốc tế còn góp phần mở rộng hợp tác, cập nhật công nghệ tiên tiến, thúc đẩy hình thành mạng lưới liên kết đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ trong và ngoài tỉnh.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
+ Kỹ năng kết nối chuyên gia, mạng lưới công nghệ, quỹ đầu tư mạo hiểm, các chương trình quốc gia và quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; + Quản trị chuyển đổi số trong doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: ứng dụng nền tảng số, tiêu chuẩn dữ liệu, an toàn - an ninh mạng, quản trị dữ liệu trong sản xuất - kinh doanh; + Các nội dung đào tạo, bồi dưỡng khác có liên quan trực tiếp đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo yêu cầu thực tiễn; - Các đoàn tham gia hội chợ, triển lãm, diễn đàn khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong nước và quốc tế nhằm cập nhật công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến; tiếp cận mô hình sản xuất, kinh doanh tiên tiến; tìm hiểu các sản phẩm, dịch vụ mới; quảng bá hình ảnh và kết nối hợp tác. b) Hỗ trợ kinh phí tổ chức và kinh phí cho người tham gia các hoạt động quy định tại điểm a mục 1.2 khoản này, bao gồm: - Tiền đi lại, gồm: vé tàu, xe, máy bay (hạng phổ thông) khứ hồi hoặc khoán phương tiện theo quy định; chi phí đi lại tại nơi tổ chức hoạt động (từ nơi nghỉ đến địa điểm tổ chức và ngược lại); - Tiền phụ cấp lưu trú trong thời gian tham dự hoạt động; - Tiền thuê chỗ nghỉ theo hình thức khoán hoặc thanh toán theo thực tế có hóa đơn hợp lệ; - Thù lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên; người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị, hội thảo, diễn đàn; - Công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên do cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hoạt động; - Tiền ăn; - Tiền giải khát giữa giờ; - Tiền thuê địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tổ chức hoạt động;	

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
- Các khoản chi phí hợp lệ khác liên quan trực tiếp đến các hoạt động hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo, diễn đàn, hội chợ, triển lãm theo quy định hiện hành. c) Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa: số 64/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017, số 29/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024, số 18/2025/NQ-HĐND ngày 21/7/2025 và các quy định hiện hành tại thời điểm hỗ trợ. đ) Việc chi trả hỗ trợ được thực hiện trực tiếp cho cá nhân tham dự thông qua đơn vị tổ chức hoạt động, sau khi có danh sách và xác nhận tham dự hợp lệ.	
1.3. Điều kiện hỗ trợ a) Đối với tổ chức được giao hoặc được lựa chọn tổ chức hoạt động hỗ trợ: - Có chức năng, năng lực phù hợp với lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; được Sở Khoa học và Công nghệ giao nhiệm vụ hoặc lựa chọn theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ. - Hoạt động, nội dung tổ chức phù hợp với phạm vi, mục tiêu, đối tượng quy định tại mục 1.1 và 1.2 khoản này; được phê duyệt trong kế hoạch hỗ trợ hằng năm của Sở Khoa học và Công nghệ. - Thực hiện đúng quy định về quản lý tài chính, quyết toán, chứng từ hợp lệ theo quy định hiện hành; - Có báo cáo kết quả, danh sách học viên tham gia, chứng nhận hoàn thành và biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng sau khi kết thúc hoạt động. b) Đối với người tham dự - đối tượng thụ hưởng trực tiếp: - Là đối tượng tại mục 1.1 khoản này được mời hoặc cử hoặc đăng ký hợp lệ tham gia hoạt động hỗ trợ. - Tham gia đầy đủ thời lượng của các chương trình theo kế hoạch được phê duyệt, bao gồm các hình thức như: hội thảo, hội nghị, khóa tập huấn, đào tạo, diễn đàn, hội chợ, triển lãm và các hoạt động tương tự khác.	- Quy định rõ điều kiện đối với tổ chức được giao hoặc lựa chọn tổ chức hoạt động hỗ trợ (phải có chức năng, năng lực phù hợp, được giao nhiệm vụ hợp pháp, tuân thủ quy định về tài chính, kế toán) và điều kiện đối với người tham dự (đúng đối tượng, tham gia đầy đủ, không trùng lặp hỗ trợ). - Nội dung này nhằm bảo đảm tính minh bạch, công khai và hiệu quả trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, đồng thời tạo cơ chế lựa chọn các tổ chức, cá nhân có năng lực thực chất để triển khai hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. - Việc quy định điều kiện cụ thể cũng giúp chuẩn hóa quy trình hỗ trợ, tăng tính chuyên nghiệp, góp phần hình thành hệ sinh thái đào tạo – tư vấn – ương tạo khởi nghiệp sáng tạo bền vững trong tỉnh.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
- Có xác nhận tham dự hoặc giấy chứng nhận hoàn thành của ban tổ chức; danh sách tham dự được xác nhận hợp lệ bởi đơn vị tổ chức. - Không đồng thời nhận hỗ trợ từ các nguồn ngân sách nhà nước khác cho cùng một nội dung hoạt động được tổ chức theo Nghị quyết này.	
1.4. Hồ sơ hỗ trợ a) Đối với tổ chức được giao hoặc được lựa chọn tổ chức hoạt động hỗ trợ: Hồ sơ gửi Sở Khoa học và Công nghệ để thẩm định, nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí, gồm: - Kế hoạch tổ chức hoạt động (hội nghị, hội thảo, khóa tập huấn, đào tạo, diễn đàn, hội chợ, triển lãm...) được phê duyệt; - Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng giữa Sở Khoa học và Công nghệ và đơn vị tổ chức thực hiện hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ; - Báo cáo kết quả tổ chức hoạt động, trong đó nêu rõ: thời gian, địa điểm, nội dung, số lượng người tham dự, kết quả đạt được, kiến nghị, đề xuất (nếu có); - Danh sách học viên hoặc đại biểu tham dự có xác nhận của đơn vị tổ chức, kèm theo xác nhận tham dự hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khóa học (nếu có); - Phiếu đánh giá chất lượng chương trình của học viên, đại biểu (đối với khóa tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng); - Báo cáo quyết toán kinh phí tổ chức hoạt động, kèm theo bản sao chứng từ hợp lệ (vé tàu, xe, máy bay, hóa đơn tiền ăn, nghỉ, thuê địa điểm, tài liệu, công tác phí, thù lao báo cáo viên...); b) Đối với cá nhân, cán bộ, nhân viên, nhóm cá nhân – đối tượng thụ hưởng trực tiếp: Hồ sơ gửi đơn vị tổ chức hoạt động (để tổng hợp, xác nhận và chuyển thanh toán) gồm: - Đơn đăng ký tham gia (theo mẫu 01-CS1) hoặc giấy mời hoặc văn bản cử tham dự của tổ chức (theo mẫu 02-CS1);	- Quy định chi tiết hồ sơ của tổ chức, cá nhân và cơ quan thẩm định, nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí, bao gồm kế hoạch, hợp đồng, báo cáo kết quả, danh sách thụ hưởng, chứng từ chi tiêu và các tài liệu xác nhận hợp lệ. - Nội dung này nhằm chuẩn hóa và minh bạch hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình tiếp cận và thụ hưởng chính sách; đồng thời bảo đảm cơ sở kiểm tra, giám sát, quyết toán kinh phí hỗ trợ đúng quy định. - Việc yêu cầu hồ sơ điện tử, xác nhận tham dự và báo cáo kết quả cũng là cơ sở để triển khai số hóa quy trình quản lý, giám sát chính sách, góp phần thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong công tác quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
- Bản sao (công chứng hoặc chứng thực) Giấy chứng nhận đăng ký hoặc quyết định thành lập hoặc giấy phép đăng ký hoạt động theo pháp luật (đối với người đại diện doanh nghiệp, tổ chức). - Bản xác nhận tham dự hoặc giấy chứng nhận hoàn thành chương trình do ban tổ chức cấp; - Chứng từ hợp lệ đối với các khoản chi hỗ trợ được hưởng theo quy định (vé tàu, xe, hóa đơn thuê chỗ nghỉ, chứng từ thanh toán vé máy bay, bảng chấm công – danh sách lưu trú...); c) Hồ sơ nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ: Do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì lập, phối hợp Sở Tài chính thẩm định, gồm: - Biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng giữa Sở Khoa học và Công nghệ và đơn vị tổ chức thực hiện; - Báo cáo kết quả tổng hợp của hoạt động hỗ trợ (bao gồm danh sách người thụ hưởng, số tiền hỗ trợ chi trả cho từng người, hình thức chi trả, xác nhận nhận tiền - nếu có); - Toàn bộ chứng từ chi tiêu, hóa đơn tài chính hợp lệ; - Bảng tổng hợp kinh phí đề nghị quyết toán, có xác nhận của thủ trưởng đơn vị tổ chức và kế toán trưởng.	
2. Hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp sáng tạo từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thanh Hóa 2.1. Đối tượng hỗ trợ a) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. b) Cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng hoặc dự án khởi nghiệp sáng tạo chưa thành lập doanh nghiệp, được ươm tạo tại các cơ sở ươm tạo hoặc trung tâm đổi mới sáng tạo hoặc các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. c) Cơ sở do tư nhân thành lập và đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gồm: cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và	- Quy định rõ các nhóm đối tượng được xem xét vay vốn từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, bao gồm: Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng hoặc dự án khởi nghiệp sáng tạo chưa thành lập doanh nghiệp, đang được ươm tạo tại các cơ sở, trung tâm đổi mới sáng tạo hoặc tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp; Các cơ sở tư nhân hoạt động trong lĩnh vực ươm tạo, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo. - Nội dung này xác định đúng và trúng đối tượng cần hỗ trợ, tập trung vào khu vực tư nhân và các chủ thể có tiềm năng hình thành doanh nghiệp khoa học – công nghệ, góp phần nuôi dưỡng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
công nghệ; trung tâm nghiên cứu và phát triển; trung tâm đổi mới sáng tạo; tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp.	- Việc hỗ trợ vay vốn từ Quỹ tạo điều kiện để các doanh nghiệp, nhóm cá nhân và tổ chức trung gian có nguồn lực tài chính đầu tư nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới, phát triển sản phẩm, thương mại hóa kết quả nghiên cứu và triển khai hoạt động chuyển đổi số. Qua đó, chính sách góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong khu vực tư nhân, khuyến khích hình thành doanh nghiệp khoa học – công nghệ, tăng năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế địa phương.
2.2. Nội dung và mức hỗ trợ a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ đối tượng tại mục 2.1 khoản này vay vốn khởi nghiệp sáng tạo từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là Quỹ) để triển khai một hoặc một số hoạt động về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bao gồm: - Thực hiện ý tưởng, dự án khởi nghiệp sáng tạo có ứng dụng công nghệ hoặc giải pháp số; - Thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) nhằm hoàn thiện công nghệ, sản phẩm, quy trình hoặc nền tảng số; - Ứng dụng, đổi mới, chuyển giao hoặc thương mại hóa công nghệ; - Thiết kế, chế tạo sản phẩm mẫu (nguyên mẫu – prototype), thử nghiệm, trình diễn hoặc thí điểm quy mô nhỏ gắn với việc hoàn thiện công nghệ, giải pháp hoặc mô hình kinh doanh số; - Đổi mới sản phẩm, quy trình, công nghệ hoặc mô hình kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa hoặc các giải pháp chuyển đổi số khác; - Thực hiện các hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khác phục vụ trực tiếp sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Các hoạt động được hỗ trợ phải phù hợp với mục tiêu của dự án vay vốn, triển khai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, phục vụ trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và hướng tới thương mại hóa sản phẩm, mở rộng quy mô hoạt động hoặc hình thành doanh nghiệp trong thời gian phù hợp.	- Nội dung khoản này quy định việc hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp sáng tạo từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thanh Hóa đối với các đối tượng quy định tại khoản 2.1, nhằm tạo điều kiện về nguồn lực tài chính để triển khai các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới, chuyển giao công nghệ và chuyển đổi số phục vụ trực tiếp sản xuất, kinh doanh. - Các hoạt động được vay vốn tập trung vào những lĩnh vực có tính ứng dụng và giá trị gia tăng cao, như: thực hiện ý tưởng, dự án khởi nghiệp sáng tạo; nghiên cứu và phát triển (R&D) sản phẩm, công nghệ; thiết kế, chế tạo sản phẩm mẫu, thử nghiệm; đổi mới quy trình, công nghệ, mô hình kinh doanh trên nền tảng số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa; thương mại hóa kết quả nghiên cứu và triển khai các giải pháp chuyển đổi số trong doanh nghiệp. Quy định này phù hợp với Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ, nhằm cụ thể hóa cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp, cá nhân tiếp cận vốn cho hoạt động đổi mới sáng tạo. - Về mức hỗ trợ, quy định cơ chế vay vốn ưu đãi với lãi suất tối đa 2%/năm, thời hạn vay tối đa 36 tháng, tổng dư nợ không vượt quá 2 tỷ đồng/đối tượng/năm. Cơ chế này đảm bảo tính hỗ trợ, khuyến khích, song vẫn tuân thủ nguyên tắc sử dụng vốn có hoàn trả, đúng mục đích và hiệu quả, phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thanh Hóa và quy định của pháp luật về tài chính, tín dụng. - Khoản quy định này có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong khu vực kinh

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Không hỗ trợ các nội dung chỉ không liên quan trực tiếp đến hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, như chi thường xuyên thuần túy, chi trả nợ vay, mua sắm tài sản không phục vụ hoạt động nghiên cứu và phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ hoặc chuyển đổi số. b) Mức hỗ trợ: - Hỗ trợ vay vốn tại Quỹ với lãi suất tối đa 2%/năm, tính trên dư nợ vay thực tế; - Thời gian vay tối đa 36 tháng/đối tượng, tính từ thời điểm giải ngân khoản vay đầu tiên; - Tổng dư nợ vay không vượt quá 02 tỷ đồng/đối tượng/năm; - Mỗi đối tượng được vay vốn cho một dự án tại một thời điểm; sau khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ của khoản vay trước, có thể đăng ký vay cho dự án khác nếu đáp ứng đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định; - Không áp dụng mức hỗ trợ lãi suất tối đa 2%/năm đối với phần nợ quá hạn, chậm trả hoặc vi phạm hợp đồng tín dụng. Khi hết thời hạn vay hoặc vi phạm điều kiện sử dụng vốn, bên vay phải hoàn trả đầy đủ vốn vay, lãi vay theo hợp đồng tín dụng và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.	tế tư nhân, giúp doanh nghiệp, cá nhân giảm chi phí vốn, tăng khả năng đầu tư vào nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới và mở rộng quy mô hoạt động, từ đó góp phần hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo năng động, thúc đẩy kinh tế tri thức và kinh tế số của tỉnh Thanh Hóa phát triển bền vững.
2.3. Điều kiện hỗ trợ a) Điều kiện chung: - Thuộc nhóm đối tượng quy định tại mục 2.1 khoản này và có hoạt động hợp pháp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; - Có nhu cầu vay vốn để triển khai một hoặc một số hoạt động về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, không dùng cho mục đích khác; - Không trùng lặp nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc các chương trình tín dụng ưu đãi khác cho cùng một nội dung và cùng thời gian; - Không có nợ xấu hoặc nợ quá hạn hoặc nợ vi phạm nghĩa vụ tài chính tại các tổ chức tín dụng; b) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo:	- Khoản này quy định rõ điều kiện để được vay vốn hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thanh Hóa, bảo đảm việc xét chọn, thẩm định, cho vay và quản lý vốn vay được thực hiện đúng quy định pháp luật, công khai, minh bạch và hiệu quả. - Các điều kiện chung nhằm xác định rõ đối tượng hợp pháp, có hoạt động thực tế trên địa bàn tỉnh, có nhu cầu vay vốn phục vụ trực tiếp cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, không trùng lặp với các chương trình tín dụng ưu đãi khác và không có nợ xấu. Quy định này bảo đảm tính minh bạch, tránh trùng lặp chính sách, sử dụng đúng và hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước. - Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, yêu cầu có sản phẩm, dịch vụ hoặc công nghệ đang ở giai đoạn hoàn thiện hoặc thương mại hóa, có phương

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
- Có sản phẩm hoặc dịch vụ đổi mới sáng tạo, đang ở giai đoạn hoàn thiện công nghệ hoặc thử nghiệm thị trường hoặc mở rộng thương mại hóa; - Có báo cáo tài chính và phương án tài chính chứng minh khả năng hoàn trả vốn vay và sử dụng vốn đúng mục đích; - Có kế hoạch triển khai rõ ràng về mục tiêu, thời gian, kết quả dự kiến và hiệu quả kinh tế - xã hội. c) Đối với cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng, dự án khởi nghiệp sáng tạo: - Được cơ sở ươm tạo hoặc trung tâm đổi mới sáng tạo hoặc tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp tiếp nhận, xác nhận đang trong giai đoạn ươm tạo hoặc tiền ươm tạo; - Có đề án hoặc mô hình hoặc sản phẩm hoặc sản phẩm mẫu (nguyên mẫu - prototype) cụ thể, thể hiện được khả năng ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh, hướng tới thương mại hóa và có thể hình thành doanh nghiệp trong thời gian không quá 24 tháng. d) Đối với cơ sở do tư nhân thành lập: - Có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với một trong các mục tiêu của dự án vay vốn, gồm: ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp, nghiên cứu và phát triển, hoặc đổi mới sáng tạo; - Có phương án sử dụng vốn cụ thể, khả thi, phục vụ trực tiếp cho hoạt động đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp hoặc nâng cấp hạ tầng hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp; - Có khả năng đối ứng tối thiểu 30% tổng mức đầu tư dự án (bằng vốn tự có hoặc nguồn vốn hợp pháp khác). e) Nguyên tắc về bảo đảm và tín chấp: - Việc xác định hình thức bảo đảm tiền vay, mức cho vay, thời hạn vay và lãi suất ưu đãi được thực hiện theo quy định của Điều lệ Quỹ và các văn bản hướng dẫn của UBND tỉnh hoặc của bộ ngành trung ương về vay vốn tại các quỹ cấp tỉnh; - Các dự án hoặc phương án có tính đổi mới cao hoặc tiềm năng thương mại hóa nhưng chưa đủ điều kiện tài sản bảo đảm có thể được xem xét cho vay	án tài chính khả thi và kế hoạch triển khai cụ thể. Quy định này góp phần khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển sản phẩm công nghệ mới, ứng dụng công nghệ số và mở rộng mô hình kinh doanh sáng tạo. - Đối với cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng, dự án khởi nghiệp sáng tạo, quy định điều kiện được ươm tạo, có sản phẩm mẫu, mô hình cụ thể và khả năng hình thành doanh nghiệp trong thời gian nhất định. Đây là cơ chế mở, giúp ươm tạo và phát triển ý tưởng đổi mới sáng tạo từ giai đoạn đầu, tạo tiền đề hình thành các doanh nghiệp khởi nghiệp tiềm năng. - Đối với cơ sở tư nhân thành lập hoạt động trong lĩnh vực ươm tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, quy định về chức năng, năng lực, phương án sử dụng vốn và khả năng đối ứng tài chính tối thiểu 30% tổng mức đầu tư nhằm đảm bảo tính khả thi, trách nhiệm và cùng chia sẻ rủi ro khi sử dụng vốn hỗ trợ. - Quy định về bảo đảm và tín chấp được xây dựng trên cơ sở Điều lệ Quỹ, cho phép linh hoạt áp dụng cơ chế tín chấp đối với các dự án có tính đổi mới cao hoặc tiềm năng thương mại hóa lớn nhưng thiếu tài sản thế chấp, bảo đảm tạo điều kiện cho các dự án sáng tạo thực sự có giá trị khoa học và kinh tế được tiếp cận vốn, đồng thời vẫn tuân thủ quy định về quản lý tài chính công và kiểm soát rủi ro. - Nội dung khoản này phù hợp với quy định của Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ, tạo cơ sở pháp lý vững chắc để triển khai hiệu quả chính sách hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp sáng tạo. - Quy định này góp phần thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tăng khả năng thương mại hóa sản phẩm, mở rộng hoạt động sản xuất, hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ, qua đó thúc đẩy kinh tế số, kinh tế tri thức và phát triển bền vững khu vực tư nhân tỉnh Thanh Hóa.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
tín chấp trên cơ sở thẩm định rủi ro, hồ sơ dự án và nghị quyết của Hội đồng quản lý Quỹ; - Các khoản vay được quản lý, giám sát và xử lý rủi ro theo đúng quy định của pháp luật về quản lý tài chính công và Điều lệ Quỹ.	
2.4. Hồ sơ hỗ trợ - Đơn đề nghị hỗ trợ vay vốn (theo mẫu 01-CS2); - Bản sao (công chứng hoặc chứng thực) Giấy chứng nhận đăng ký hoặc quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động theo quy định pháp luật (đối với tổ chức); - Giấy xác nhận của cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo hoặc tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp (theo mẫu 02-CS2), xác nhận đối tượng đang trong quá trình ươm tạo hoặc tiền ươm tạo, có sản phẩm hoặc mô hình cụ thể, đồng thời đánh giá sơ bộ năng lực và kết quả bước đầu của dự án (đối với cá nhân, nhóm cá nhân); - Thuyết minh dự án hoặc đề án khởi nghiệp sáng tạo (theo mẫu 03-CS2), nêu rõ mục tiêu khoa học và công nghệ hoặc đổi mới sáng tạo của dự án; nội dung nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, thương mại hóa công nghệ; quy mô đầu tư, tiến độ thực hiện, sản phẩm và kết quả dự kiến (kinh tế, xã hội, môi trường); - Phương án tài chính và kế hoạch sử dụng vốn vay (theo mẫu 04-CS2), trong đó xác định tổng mức đầu tư, tỷ lệ vốn tự có hoặc vốn đối ứng, doanh thu – chi phí – lợi nhuận dự kiến, kế hoạch hoàn trả vốn và lãi suất; - Bản tự đánh giá khả năng tài chính và nghĩa vụ trả nợ (theo mẫu 05-CS2), kèm báo cáo tài chính hoặc báo cáo thu – chi gần nhất đối với tổ chức; thông tin chứng minh năng lực tài chính cá nhân hoặc nhóm khởi nghiệp (nguồn thu nhập, kế hoạch sử dụng vốn, khả năng hoàn trả) đối với cá nhân, nhóm cá nhân. - Hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật (nếu có) hoặc văn bản đề nghị xem xét vay tín chấp (theo mẫu 06-CS2), trong đó nêu rõ lý do, biện pháp bảo đảm thay thế	- Khoản này quy định thành phần, nội dung hồ sơ vay vốn khởi nghiệp sáng tạo từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thanh Hóa, nhằm bảo đảm việc xét duyệt, thẩm định và quản lý khoản vay được thực hiện đúng quy định, công khai và minh bạch. - Thành phần hồ sơ gồm: đơn đề nghị vay vốn; giấy tờ pháp lý của tổ chức hoặc cá nhân; xác nhận của cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo hoặc tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp; thuyết minh dự án, phương án tài chính, bản tự đánh giá khả năng trả nợ và tài liệu chứng minh tài sản bảo đảm hoặc đề nghị vay tín chấp. Cấu trúc hồ sơ này tuân thủ quy định tại Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP và Điều lệ tổ chức, hoạt động của Quỹ, đồng thời kế thừa quy trình quản lý tài chính, tín dụng công hiện hành. - Nội dung quy định giúp chuẩn hóa và số hóa quy trình tiếp nhận, thẩm định hồ sơ, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức trung gian trong việc tiếp cận nguồn vốn ưu đãi. Việc yêu cầu hồ sơ chi tiết, có xác nhận của đơn vị ươm tạo và thuyết minh dự án cụ thể cũng góp phần nâng cao chất lượng thẩm định, giảm rủi ro và bảo đảm sử dụng vốn đúng mục đích. - Quy định này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản lý Quỹ, mà còn thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình hành chính, từng bước chuyển đổi số công tác xét duyệt, giải ngân và theo dõi khoản vay, góp phần thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong khu vực kinh tế tư nhân của tỉnh Thanh Hóa.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
(nếu có) và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, rủi ro của khoản vay.	
3. Hỗ trợ chi phí thuê không gian làm việc tại Tòa nhà Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh Thanh Hóa và các cơ sở có chức năng cho thuê không gian làm việc phục vụ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh 3.1. Đối tượng hỗ trợ a) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. b) Cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng hoặc dự án khởi nghiệp sáng tạo chưa thành lập doanh nghiệp, được ươm tạo tại các cơ sở ươm tạo hoặc trung tâm đổi mới sáng tạo hoặc các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. c) Cơ sở do tư nhân thành lập và đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, gồm: cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; trung tâm nghiên cứu và phát triển; trung tâm đổi mới sáng tạo; tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp; quỹ đầu tư.	- Khoản này quy định rõ các nhóm đối tượng được hỗ trợ chi phí thuê không gian làm việc tại Tòa nhà Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh Thanh Hóa và các cơ sở có chức năng tương tự, bao gồm: doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng hoặc dự án khởi nghiệp sáng tạo đang được ươm tạo; và các cơ sở tư nhân hoạt động trong lĩnh vực ươm tạo, nghiên cứu, phát triển, đổi mới sáng tạo và đầu tư. - Nội dung này nhằm mở rộng phạm vi thụ hưởng chính sách, bảo đảm bao quát các thành phần chủ chốt trong hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh. Việc hỗ trợ thuê không gian làm việc giúp giảm chi phí ban đầu, tạo điều kiện để các doanh nghiệp và nhóm khởi nghiệp tập trung nguồn lực cho nghiên cứu, phát triển sản phẩm, thử nghiệm mô hình kinh doanh và ứng dụng công nghệ mới. - Chính sách này phù hợp với Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ, bảo đảm tính hợp pháp, thống nhất và đúng thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh. - Quy định góp phần thúc đẩy hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khuyến khích khu vực tư nhân ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, qua đó nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
3.2. Nội dung và mức hỗ trợ a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ đối tượng tại mục 3.1 khoản này thuê không gian làm việc phục vụ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bao gồm: - Không gian làm việc chung (co-working space); - Khu văn phòng ươm tạo, khu làm việc cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;	- Khoản này quy định cụ thể nội dung và mức hỗ trợ chi phí thuê không gian làm việc phục vụ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Về nội dung hỗ trợ, chính sách cho phép các đối tượng được hỗ trợ thuê các loại hình không gian làm việc như: khu làm việc chung (co-working space), khu ươm tạo, khu nghiên cứu – thử nghiệm, phòng thí nghiệm (Lab) và khu văn phòng đổi mới sáng tạo tại Tòa nhà Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
- Phòng thí nghiệm (Lab), khu trưng bày - thử nghiệm sản phẩm, khu trình diễn công nghệ; - Khu văn phòng đổi mới sáng tạo, khu hỗ trợ khởi nghiệp, khu làm việc của các nhóm dự án đổi mới sáng tạo. Việc thuê không gian làm việc được thực hiện tại một trong các cơ sở sau: - Tòa nhà Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh Thanh Hóa; - Các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đơn vị sự nghiệp công lập hoặc tư nhân có chức năng cho thuê không gian làm việc theo quy định của pháp luật; - Các tổ chức, doanh nghiệp tư nhân được cấp phép hoạt động trong lĩnh vực cho thuê hạ tầng, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh. Các cơ sở cho thuê phải bảo đảm các điều kiện sau: - Có cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đáp ứng yêu cầu an toàn lao động, an ninh, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường; - Có hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, quản lý tài sản công hoặc tài sản tư nhân. b) Mức hỗ trợ: - Hỗ trợ tối đa 70% chi phí thuê không gian làm việc (không bao gồm chi phí: điện, nước, vệ sinh, internet); - Mỗi đối tượng được hỗ trợ tối đa 03 năm hoạt động và diện tích hỗ trợ không vượt quá 100 m²; - Trường hợp đối tượng có nhu cầu thuê diện tích lớn hơn 100 m², phần chi phí tăng thêm do đối tượng tự chi trả; - Hỗ trợ tối đa 20 đối tượng/năm;	Thanh Hóa hoặc tại các trường đại học, viện nghiên cứu, cơ sở ươm tạo và doanh nghiệp tư nhân có chức năng cho thuê hạ tầng đổi mới sáng tạo. Quy định này nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp và nhóm khởi nghiệp tiếp cận cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật hiện đại, phục vụ nghiên cứu, phát triển sản phẩm, thử nghiệm công nghệ và triển khai mô hình kinh doanh số. - Về mức hỗ trợ, quy định hỗ trợ tối đa 70% chi phí thuê không gian làm việc, thời gian hỗ trợ không quá 03 năm và diện tích không vượt quá 100 m²/đối tượng, bảo đảm hỗ trợ có trọng tâm, khuyến khích tự chủ tài chính và sử dụng hiệu quả nguồn lực. Cách quy định này vừa giảm gánh nặng chi phí ban đầu cho doanh nghiệp khởi nghiệp, vừa tạo động lực đầu tư dài hạn vào hoạt động nghiên cứu – đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. - Khoản này phù hợp với Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ và quy định của pháp luật về tài chính, quản lý tài sản công. - Chính sách có tác dụng thiết thực trong việc hình thành các trung tâm khởi nghiệp – đổi mới sáng tạo tập trung, thúc đẩy liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp tư nhân, qua đó tạo môi trường thuận lợi để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
3.3. Điều kiện hỗ trợ a) Điều kiện chung: - Thuộc đối tượng quy định tại mục 3.1 khoản này và có hoạt động hợp pháp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;	- Khoản này quy định các điều kiện để được hưởng hỗ trợ chi phí thuê không gian làm việc, nhằm bảo đảm việc thực hiện chính sách đúng đối tượng, đúng mục đích và sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
- Không trùng lặp nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho cùng một nội dung, cùng thời gian; - Sử dụng đúng mục đích diện tích được hỗ trợ, phục vụ trực tiếp hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; - Hợp đồng thuê không gian làm việc phải có thời hạn tối thiểu 06 tháng/lần và được ký kết hợp pháp giữa bên thuê và bên cho thuê đủ điều kiện theo quy định pháp luật; - Không được cho thuê lại, chuyển nhượng quyền thuê hoặc sử dụng sai mục đích diện tích được hỗ trợ; - Tuân thủ quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, an ninh, môi trường và quản lý tài sản theo quy định của pháp luật. - Không gian thuê thuộc các cơ sở có chức năng cho thuê hợp pháp, đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, an toàn, hạ tầng kỹ thuật, phòng cháy chữa cháy, môi trường, an ninh theo quy định pháp luật. b) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo: - Có sản phẩm hoặc dịch vụ khởi nghiệp ở mức nguyên mẫu (prototype) hoặc đã có thử nghiệm thị trường (pilot); - Có kế hoạch sử dụng không gian thuê phục vụ nghiên cứu và phát triển (R&D) hoặc hoàn thiện sản phẩm hoặc thương mại hóa công nghệ hoặc kết nối chuyên gia, nhà đầu tư, đối tác. c) Đối với cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng, dự án khởi nghiệp sáng tạo: - Được cơ sở ươm tạo hoặc trung tâm đổi mới sáng tạo hoặc tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp tiếp nhận, xác nhận đang ươm tạo hoặc tiền ươm tạo; - Có ý tưởng hoặc dự án khởi nghiệp rõ ràng, khả thi, hướng tới thành lập doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong thời hạn không quá 24 tháng kể từ khi được hưởng hỗ trợ; - Có kế hoạch sử dụng không gian làm việc phục vụ trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu hoặc hoàn thiện sản phẩm hoặc phát triển dự án hoặc kết nối cố vấn, chuyên gia.	- Về điều kiện chung, quy định rõ các yêu cầu về tính hợp pháp của đối tượng và cơ sở thuê; tránh trùng lặp nguồn hỗ trợ; bảo đảm sử dụng diện tích đúng mục đích cho hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tuân thủ quy định về an toàn, phòng cháy chữa cháy, an ninh, môi trường. Cách quy định này bảo đảm tính minh bạch, khả thi, đồng thời tạo điều kiện cho các cơ sở cho thuê hợp pháp tham gia vào mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp của tỉnh. - Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, yêu cầu có sản phẩm, dịch vụ ở mức nguyên mẫu hoặc đã thử nghiệm thị trường và có kế hoạch sử dụng không gian thuê cho hoạt động R&D, hoàn thiện sản phẩm, thương mại hóa công nghệ hoặc kết nối chuyên gia, nhà đầu tư. Quy định này hướng tới thúc đẩy doanh nghiệp chuyển từ giai đoạn ý tưởng sang thương mại hóa sản phẩm, tăng khả năng ứng dụng công nghệ mới và đổi mới mô hình kinh doanh. - Đối với cá nhân, nhóm cá nhân có ý tưởng hoặc dự án khởi nghiệp sáng tạo, điều kiện ươm tạo hoặc tiền ươm tạo tại các cơ sở được công nhận bảo đảm liên kết chặt chẽ giữa chính sách hỗ trợ của Nhà nước và hệ thống ươm tạo, đổi mới sáng tạo, giúp dự án có môi trường thực hành, hoàn thiện sản phẩm và hướng tới thành lập doanh nghiệp trong thời hạn quy định. - Đối với cơ sở ươm tạo, trung tâm nghiên cứu – phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp và quỹ đầu tư, quy định phải có chương trình hoặc kế hoạch ươm tạo đang triển khai và bố trí tối thiểu 50% diện tích hỗ trợ phục vụ trực tiếp doanh nghiệp, nhóm khởi nghiệp. Điều này đảm bảo tính lan tỏa của chính sách, khuyến khích các tổ chức trung gian đầu tư hạ tầng và đồng hành cùng khu vực tư nhân trong hoạt động đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. - Nội dung khoản này phù hợp với Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định về quản lý tài chính, tài sản công, góp phần hình thành môi trường đổi mới sáng tạo năng động, thúc đẩy

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
d) Đối với cơ sở ươm tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư: - Có chương trình hoặc kế hoạch hoạt động ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo đang triển khai hoặc được phê duyệt; - Bố trí tối thiểu 50% diện tích không gian được hỗ trợ để phục vụ trực tiếp doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cá nhân hoặc nhóm khởi nghiệp sáng tạo đang được ươm tạo;	ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
3.4. Hồ sơ hỗ trợ a) Hồ sơ đăng ký tham gia hỗ trợ (trước khi thực hiện thuê không gian) - Đơn đăng ký tham gia (theo mẫu 01-CS3) kèm cam kết: sử dụng diện tích thuê đúng mục đích khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; Không nhận hỗ trợ trùng lặp từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung; Chịu trách nhiệm hoàn trả kinh phí nếu vi phạm quy định. - Bản sao (công chứng hoặc chứng thực) Giấy chứng nhận đăng ký hoặc quyết định thành lập hoặc giấy phép đăng ký hoạt động theo pháp luật (đối với tổ chức); - Giấy xác nhận (theo mẫu 02-CS3) của cơ sở ươm tạo hoặc trung tâm đổi mới sáng tạo hoặc các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp hoặc chính quyền địa phương cấp xã (đối với cá nhân, nhóm cá nhân); - Bản mô tả hoặc kế hoạch sử dụng không gian làm việc (theo mẫu 03-CS3), nêu rõ: vị trí thuê, mục đích sử dụng, hình thức hoạt động (nghiên cứu, ươm tạo, làm việc nhóm, thương mại hóa sản phẩm, kết nối đầu tư...); b) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ sau khi thực hiện (đề nghị thanh toán chi phí đã chi) Định kỳ hằng năm (hoặc khi kết thúc hợp đồng thuê), đối tượng hỗ trợ lập hồ sơ đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ gửi Sở Khoa học và Công nghệ, gồm: - Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí thuê không gian làm việc (theo mẫu 04-CS3);	- Khoản này quy định thành phần và trình tự hồ sơ để đăng ký, đề nghị hỗ trợ chi phí thuê không gian làm việc phục vụ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhằm bảo đảm quá trình thực hiện đúng quy định, minh bạch và thuận tiện cho đối tượng thụ hưởng. - Hồ sơ gồm hai giai đoạn: + Trước khi thực hiện thuê không gian, đối tượng phải nộp hồ sơ đăng ký, gồm đơn đăng ký và cam kết sử dụng đúng mục đích; giấy tờ pháp lý chứng minh tư cách pháp nhân hoặc xác nhận của cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo; và bản mô tả, kế hoạch sử dụng không gian làm việc. Quy định này giúp kiểm soát ngay từ đầu đối tượng, mục tiêu và nhu cầu thực tế, tránh trùng lặp hỗ trợ, đồng thời tạo căn cứ cho việc xét duyệt và bố trí nguồn kinh phí phù hợp. + Sau khi thực hiện thuê, hồ sơ đề nghị thanh toán kinh phí bao gồm đơn đề nghị hỗ trợ, hợp đồng thuê, hóa đơn – chứng từ hợp lệ, báo cáo kết quả sử dụng không gian làm việc và xác nhận của cơ quan thuế (nếu có). Cách thiết kế hồ sơ hai bước này bảo đảm quản lý chặt chẽ nhưng linh hoạt, vừa tạo điều kiện cho doanh nghiệp, cá nhân dễ tiếp cận chính sách, vừa đảm bảo tính pháp lý, tài chính và kiểm soát chi ngân sách. - Việc quy định hồ sơ theo mẫu, kèm yêu cầu báo cáo kết quả và hóa đơn điện tử hợp lệ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc số hóa, quản lý trực tuyến và liên thông dữ liệu giữa Sở Khoa học và Công nghệ, cơ quan tài chính và các cơ quan liên quan.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
- Bản sao hợp đồng thuê không gian làm việc ký hợp pháp giữa bên thuê và bên cho thuê, trong đó ghi rõ diện tích, đơn giá, thời hạn thuê, mục đích sử dụng; - Hóa đơn tài chính, chứng từ thanh toán hợp lệ (chuyển khoản hoặc phiếu thu) thể hiện chi phí thuê thực tế đã chi; - Báo cáo kết quả sử dụng không gian làm việc (theo mẫu 05-CS3), nêu rõ: hoạt động nghiên cứu và phát triển, ươm tạo, thương mại hóa, kết nối chuyên gia - nhà đầu tư hoặc các kết quả nổi bật đạt được trong kỳ hỗ trợ; - Bản xác nhận của cơ quan thuế (nếu có) về việc kê khai, hạch toán chi phí thuê hợp pháp (đối với doanh nghiệp, tổ chức);	- Khoản này phù hợp với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ, góp phần chuẩn hóa, minh bạch hóa thủ tục hành chính, đồng thời thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quy trình quản lý, xét duyệt và giám sát chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
4. Hỗ trợ đổi mới quy trình sản xuất hoặc quy trình kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao 4.1. Đối tượng hỗ trợ Doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, hợp tác xã không có vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.	- Khoản này quy định đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ đổi mới quy trình sản xuất hoặc quy trình kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao, bao gồm doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh và hợp tác xã không có vốn nhà nước hoạt động trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Nội dung này nhằm tập trung chính sách hỗ trợ vào khu vực kinh tế tư nhân – khu vực có vai trò động lực trong phát triển kinh tế, nhưng còn hạn chế về năng lực công nghệ và nguồn lực đầu tư đổi mới sáng tạo. Việc xác định đúng đối tượng giúp tăng tính khả thi và hiệu quả của chính sách, hướng nguồn lực hỗ trợ đến các cơ sở có nhu cầu thực tế trong việc ứng dụng, làm chủ và chuyển giao công nghệ cao vào quy trình sản xuất, quản trị và kinh doanh. - Quy định này phù hợp với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ, bảo đảm thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh và sự thống nhất trong hệ thống pháp luật. - Chính sách hỗ trợ nhóm đối tượng này có ý nghĩa thiết thực trong việc thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu số và các giải pháp chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí, tăng năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
4.2. Nội dung và mức hỗ trợ a) Nội dung hỗ trợ: - Hỗ trợ đối tượng tại mục 4.1 khoản này thực hiện hoạt động đổi mới quy trình sản xuất hoặc quy trình kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển (Phụ lục I) được ban hành kèm theo Nghị quyết này. - Phạm vi chi phí được hỗ trợ chỉ bao gồm phần chi phí trực tiếp liên quan đến việc ứng dụng, triển khai, làm chủ và vận hành các công nghệ thuộc danh mục nêu trên, cụ thể: + Chi phí mua sắm, lắp đặt, tích hợp, nâng cấp, hiệu chỉnh hoặc vận hành thử nghiệm thiết bị, dây chuyền công nghệ, phần mềm, hệ thống điều khiển, cảm biến, robot, vật liệu, hoặc nền tảng số thuộc các công nghệ cao; + Chi phí chuyển giao công nghệ, bao gồm: hợp đồng chuyển giao, dịch vụ tư vấn kỹ thuật, bản quyền, sở hữu trí tuệ liên quan trực tiếp đến công nghệ cao được ứng dụng; + Chi phí thuê chuyên gia trong nước hoặc nước ngoài, đào tạo, huấn luyện nhân lực kỹ thuật để tiếp nhận, làm chủ, vận hành và tối ưu hóa công nghệ; + Chi phí kiểm định, đánh giá, thử nghiệm phục vụ chứng minh hiệu quả ứng dụng công nghệ cao trong quy trình sản xuất – kinh doanh; + Chi phí lập hồ sơ, thuyết minh kỹ thuật, tư vấn thiết kế, đánh giá công nghệ (nếu có), phục vụ việc ứng dụng công nghệ cao. - Các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến việc ứng dụng công nghệ cao không thuộc phạm vi hỗ trợ của chính sách này (ví dụ: chi phí xây dựng nhà xưởng, đầu tư hạ tầng, nguyên vật liệu đầu vào, vận hành thường xuyên, marketing, logistics...). b) Mức hỗ trợ: - Hỗ trợ tối đa 50% tổng chi phí hợp lệ. Tổng mức hỗ trợ không quá 2 tỷ đồng/dự án/đối tượng;	- Khoản này quy định nội dung và mức hỗ trợ đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã khi thực hiện đổi mới quy trình sản xuất hoặc quy trình kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao, thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển ban hành kèm theo Nghị quyết. - Về nội dung hỗ trợ, quy định tập trung vào các khoản chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động ứng dụng, chuyển giao, làm chủ và vận hành công nghệ cao, gồm: mua sắm, lắp đặt, tích hợp và vận hành thiết bị, dây chuyền, phần mềm, nền tảng số; chi phí chuyển giao công nghệ, bản quyền, tư vấn kỹ thuật; thuê chuyên gia, đào tạo nhân lực kỹ thuật; kiểm định, đánh giá, thử nghiệm công nghệ; và chi phí lập hồ sơ, tư vấn thiết kế, thuyết minh kỹ thuật. Cách xác định này bảo đảm tập trung nguồn lực vào các hạng mục then chốt mang tính công nghệ, tránh dàn trải hoặc trùng lặp với các chương trình hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất thông thường. - Về mức hỗ trợ, chính sách quy định hỗ trợ tối đa 50% tổng chi phí hợp lệ, không quá 2 tỷ đồng/dự án/đối tượng, căn cứ theo hồ sơ chứng từ, hợp đồng, biên bản nghiệm thu và kết quả thẩm định công nghệ. Quy định này vừa mang tính khuyến khích, vừa bảo đảm nguyên tắc đồng đầu tư giữa Nhà nước và doanh nghiệp, thúc đẩy khu vực tư nhân chủ động đầu tư, chia sẻ rủi ro và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn hỗ trợ. - Khoản quy định này phù hợp với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định hiện hành về quản lý tài chính, chuyển giao công nghệ và hỗ trợ đổi mới sáng tạo. - Chính sách có ý nghĩa thiết thực trong việc khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, sản xuất thông minh và nền tảng số vào quy trình sản xuất, kinh doanh, qua đó nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng cạnh tranh và thúc đẩy phát triển kinh tế số, kinh tế xanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
- Kinh phí hỗ trợ được xác định trên cơ sở chứng từ, hợp đồng, hóa đơn, biên bản nghiệm thu hợp lệ và kết quả kiểm tra, thẩm định nội dung công nghệ được ứng dụng; - Trường hợp dự án có nhiều hạng mục đầu tư, chỉ phần hạng mục có minh chứng rõ ràng về ứng dụng công nghệ cao theo Danh mục (Phụ lục I) ban hành kèm theo Nghị quyết này mới được xem xét hỗ trợ.	
4.3. Điều kiện hỗ trợ - Thuộc đối tượng tại mục 4.1 khoản này và có hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; - Có dự án hoặc hoạt động đổi mới quy trình sản xuất hoặc quy trình kinh doanh được triển khai sau thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực và đã hoàn thành hoặc đang được vận hành ổn định trong thời gian không quá 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ, trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục (Phụ lục I) ban hành kèm theo Nghị quyết này; - Không trùng lặp nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung đề nghị hỗ trợ; - Bảo đảm quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với công nghệ, thiết bị, phần mềm được ứng dụng; tuân thủ quy định về an toàn, phòng cháy chữa cháy và môi trường đối với hạng mục đổi mới; - Có căn cứ chứng minh hoạt động đổi mới, thể hiện rõ trạng thái trước và sau khi áp dụng công nghệ cao, bao gồm ít nhất một trong các nội dung sau: thay thế thiết bị, dây chuyền, phần mềm, quy trình điều hành hoặc mô hình quản trị cũ bằng giải pháp công nghệ mới, tiên tiến hơn; cải tiến quy trình hiện có nhằm tăng năng suất, chất lượng, tiết kiệm năng lượng hoặc giảm chi phí; - Đáp ứng ít nhất một tiêu chí hiệu quả định lượng được xác định trên cơ sở so sánh trước và sau khi đổi mới, được chứng minh bằng số liệu, hồ sơ kỹ thuật hoặc kết quả kiểm định độc lập, gồm: + Tăng năng suất lao động hoặc năng suất thiết bị tối thiểu 10%; + Giảm chi phí sản xuất hoặc vận hành tối thiểu 5%;	- Khoản này quy định các điều kiện để được xem xét hỗ trợ đổi mới quy trình sản xuất hoặc quy trình kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao, nhằm bảo đảm chính sách được triển khai đúng đối tượng, đúng mục tiêu và có hiệu quả thực tế. - Các điều kiện đặt ra yêu cầu doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã phải hoạt động hợp pháp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, có dự án hoặc hoạt động đổi mới được thực hiện sau khi Nghị quyết có hiệu lực và thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển ban hành kèm theo Nghị quyết. Quy định này giúp đảm bảo tính thời điểm, tính mới và tính phù hợp với định hướng chính sách của tỉnh, tránh trùng lặp với các chương trình hỗ trợ khác của Nhà nước. - Điều kiện về quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với công nghệ, thiết bị, phần mềm và yêu cầu tuân thủ quy định về an toàn, phòng cháy chữa cháy và môi trường giúp đảm bảo tính hợp pháp, an toàn và bền vững của hoạt động đổi mới công nghệ, phù hợp với quy định tại Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 và Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. - Đặc biệt, quy định yêu cầu có căn cứ chứng minh hoạt động đổi mới và hiệu quả định lượng cụ thể, như: tăng năng suất, giảm chi phí, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo sản phẩm hoặc mô hình kinh doanh mới có đăng ký sở hữu trí tuệ. Đây là điểm nhấn quan trọng, giúp đánh giá rõ hiệu quả thực tế của việc ứng dụng công nghệ cao, đồng thời tăng tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong sử dụng nguồn hỗ trợ ngân sách nhà nước.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
+ Tiết kiệm năng lượng hoặc nguyên, nhiên, vật liệu tối thiểu 5%; + Giảm phát thải hoặc chất thải công nghiệp tối thiểu 5%; + Nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ, được thể hiện qua kết quả thử nghiệm, chứng nhận tiêu chuẩn kỹ thuật cao hơn trước khi đổi mới; + Tạo ra sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới có ứng dụng công nghệ cao hoặc được đăng ký sở hữu trí tuệ mới.	- Khoản này phù hợp với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, Nghị định số 95/2014/NĐ-CP về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ và các quy định về chuyển giao, sở hữu trí tuệ và an toàn công nghệ. - Việc quy định rõ điều kiện định lượng và tiêu chí hiệu quả sẽ giúp khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư đổi mới quy trình sản xuất, quản trị và kinh doanh dựa trên công nghệ cao, từ đó thúc đẩy năng suất, hiệu quả, chuyển đổi số và phát triển bền vững khu vực kinh tế tư nhân tỉnh Thanh Hóa.
4.4. Hồ sơ hỗ trợ - Đơn đề nghị hỗ trợ đổi mới quy trình sản xuất hoặc quy trình kinh doanh (theo mẫu 01-CS4), kèm theo cam kết thực hiện và tuân thủ quy định hỗ trợ, gồm các nội dung: sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đúng nội dung đã đăng ký; không nhận hoặc đề nghị nhận trùng hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho cùng nội dung, cùng thời gian; cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ, tài liệu để phục vụ thẩm định, nghiệm thu và kiểm tra sau hỗ trợ; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác của hồ sơ, thông tin và kết quả sử dụng kinh phí được hỗ trợ; - Bản sao có chứng thực hoặc công chứng Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoặc hợp tác xã; - Thuyết minh và hồ sơ kỹ thuật dự án đổi mới quy trình (theo mẫu 02-CS4), trong đó nêu rõ: + Hiện trạng quy trình trước khi đổi mới (mô tả thiết bị, dây chuyền, phần mềm, quy trình quản trị cũ); + Nội dung đổi mới, công nghệ cao được ứng dụng (ghi rõ mã công nghệ theo Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết); + Mục tiêu, quy mô, tiến độ thực hiện, kết quả đạt được, hiệu quả kinh tế – kỹ thuật; + Minh chứng kỹ thuật và kết quả thực tế gồm: biên bản nghiệm thu, kết quả thử nghiệm, kiểm định hoặc đánh giá độc lập (nếu có); ảnh, sơ đồ quy trình,	- Khoản này quy định thành phần và yêu cầu của hồ sơ đề nghị hỗ trợ đổi mới quy trình sản xuất hoặc quy trình kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao, nhằm bảo đảm việc thẩm định, xét duyệt và quản lý kinh phí hỗ trợ được thực hiện đúng quy định, minh bạch và có căn cứ khoa học – kỹ thuật rõ ràng. - Thành phần hồ sơ bao gồm: đơn đề nghị hỗ trợ kèm cam kết sử dụng kinh phí đúng mục đích, giấy tờ pháp lý của tổ chức, cá nhân, thuyết minh dự án đổi mới quy trình, tài liệu kỹ thuật và chứng minh quyền sở hữu công nghệ, báo cáo tài chính và chi phí thực tế, cùng các minh chứng, hình ảnh, tài liệu chuyên gia hoặc cơ quan chuyên môn xác nhận hiệu quả đổi mới. Việc quy định hồ sơ chi tiết, theo mẫu thống nhất giúp chuẩn hóa thủ tục, đảm bảo tính đầy đủ, hợp lệ của thông tin phục vụ công tác thẩm định, nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí. - Quy định yêu cầu doanh nghiệp, tổ chức chứng minh hiện trạng quy trình trước và sau khi đổi mới, kèm kết quả kiểm định hoặc đánh giá độc lập, thể hiện rõ các tiêu chí định lượng về năng suất, chi phí, năng lượng, phát thải hoặc sản phẩm mới, là cơ sở đánh giá khách quan hiệu quả ứng dụng công nghệ cao. Điều này góp phần nâng cao chất lượng thẩm định, giảm rủi ro trong hỗ trợ và tăng tính minh bạch, trách nhiệm của bên thụ hưởng. - Khoản này phù hợp với quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 (có hiệu lực từ năm ngân sách 2026), Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017, cùng các

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
video minh họa, bảng so sánh hiệu quả trước và sau khi đổi mới thể hiện rõ các tiêu chí định lượng theo quy định tại mục 4.3 khoản này (mức tăng năng suất, chất lượng, tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí, phát thải hoặc tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới); - Tài liệu chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hợp pháp đối với công nghệ, thiết bị, phần mềm hoặc giải pháp được ứng dụng, gồm hợp đồng mua bán, hợp đồng chuyển giao công nghệ, hóa đơn, chứng từ thanh toán, chứng nhận đăng ký sở hữu trí tuệ hoặc văn bản chấp thuận chuyển giao (nếu có); - Báo cáo tài chính hoặc báo cáo thu – chi gần nhất, kèm bảng tổng hợp chi phí thực tế của dự án đổi mới (theo mẫu 03-CS4), nêu rõ tổng chi phí đã thực hiện, nguồn vốn tự đầu tư, tỷ lệ vốn đề nghị hỗ trợ, chứng từ và hóa đơn hợp lệ làm căn cứ xác định phần chi phí đủ điều kiện hỗ trợ; - Tài liệu bổ sung (nếu có): ảnh hiện trường, sơ đồ quy trình, video minh họa hoạt động đổi mới; văn bản xác nhận, đánh giá hoặc khuyến nghị của chuyên gia, viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức trung gian công nghệ, cơ sở ươm tạo hoặc trung tâm đổi mới sáng tạo về công nghệ được ứng dụng và hiệu quả đổi mới.	văn bản hướng dẫn về chuyển giao công nghệ, quản lý tài chính công và hoạt động đổi mới sáng tạo. - Việc áp dụng mẫu hồ sơ điện tử, có thể nộp, thẩm định và theo dõi qua hệ thống quản lý trực tuyến của Sở Khoa học và Công nghệ giúp đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý chính sách, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận nhanh, minh bạch, tiết kiệm chi phí và thời gian. - Quy định này có ý nghĩa thiết thực trong việc chuẩn hóa quy trình hỗ trợ, gắn kết hoạt động đổi mới công nghệ với quản trị dữ liệu và chứng minh hiệu quả thực tế, qua đó thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong khu vực kinh tế tư nhân tỉnh Thanh Hóa.
Điều 3. Quy trình hỗ trợ	Điều này quy định quy trình tổ chức, triển khai và quản lý việc thực hiện chính sách hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận, đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhằm bảo đảm tính công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và hiệu quả trong quá trình thực hiện Nghị quyết.
1. Quy trình hỗ trợ chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số a) Xây dựng kế hoạch hằng năm: - Hằng năm, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động hỗ trợ quy định tại Điều 1 của chính sách này; xác định nội dung, hình thức, thời gian, địa điểm, dự kiến kinh phí và đơn vị tổ chức thực hiện.	- Khoản này quy định trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc hỗ trợ chính sách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. - Về xây dựng kế hoạch hằng năm: Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan lập kế hoạch tổ chức hoạt động hỗ trợ, xác định nội dung, hình thức, kinh phí và đơn vị thực hiện. Kế hoạch được thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và bố trí kinh

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
- Kế hoạch được gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí trong dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm. b) Lựa chọn hoặc giao đơn vị tổ chức thực hiện: - Căn cứ kế hoạch đã được phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ cho đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở đào tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp có đủ năng lực để thực hiện hoạt động hỗ trợ. - Hợp đồng, nhiệm vụ, dự toán và dự kiến nội dung chương trình được lập và ký kết theo quy định của pháp luật về đấu thầu, tài chính và đặt hàng dịch vụ công. c) Tuyên truyền, thông báo và tiếp nhận đăng ký tham dự: - Căn cứ kế hoạch đã được phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo rộng rãi nội dung, thời gian, địa điểm và hình thức tham gia trên Cổng thông tin điện tử của Sở, Cổng dịch vụ công của tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công, đồng thời gửi thông tin đến Hiệp hội doanh nghiệp, UBND cấp xã, các cơ sở ươm tạo, trung tâm đổi mới sáng tạo. - Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại mục 1.1 khoản 1 Điều 2 nộp đơn đăng ký tham gia (trực tiếp hoặc trực tuyến). - UBND xã, phường phối hợp tuyên truyền, lập danh sách người đăng ký tham dự trên địa bàn, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp. d) Tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ: - Đơn vị được giao hoặc được lựa chọn tổ chức hoạt động có trách nhiệm triển khai theo kế hoạch đã được phê duyệt; bảo đảm chất lượng nội dung, an toàn, tiết kiệm, đúng đối tượng. - Người tham dự thực hiện đúng quy định của chương trình, ký danh sách tham dự, xác nhận lưu trú (nếu có) và nhận hỗ trợ theo chế độ quy định tại mục 1.2 khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết này. - Kinh phí được thanh toán thông qua đơn vị tổ chức, bao gồm:	phí trong dự toán chi sự nghiệp khoa học – công nghệ hằng năm, bảo đảm thực hiện theo đúng quy trình lập và phân bổ ngân sách. - Về lựa chọn đơn vị tổ chức thực hiện: Quy định rõ hình thức đấu thầu, đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ theo quy định pháp luật, nhằm bảo đảm lựa chọn đơn vị có năng lực, kinh nghiệm và uy tín, đồng thời tuân thủ nguyên tắc cạnh tranh, minh bạch, tiết kiệm ngân sách nhà nước. - Về tuyên truyền và tiếp nhận đăng ký: Yêu cầu công khai kế hoạch và hướng dẫn tham gia trên Cổng thông tin điện tử của Sở, Cổng dịch vụ công của tỉnh và các kênh truyền thông của địa phương, bảo đảm mọi tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tư nhân có nhu cầu đều được tiếp cận thông tin và đăng ký thuận tiện, kể cả trực tuyến. Quy định này phù hợp với chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số trong cung cấp dịch vụ hành chính công. - Về tổ chức thực hiện hoạt động hỗ trợ: Nêu rõ trách nhiệm của đơn vị được giao tổ chức và người tham dự, quy định chi tiết các khoản chi hợp lệ, hình thức thanh toán, hỗ trợ trực tiếp, bảo đảm chi đúng, chi đủ, đúng đối tượng, tiết kiệm và công khai. - Về nghiệm thu, thanh quyết toán và lưu hồ sơ: Xác định quy trình kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu và thanh quyết toán kinh phí do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Sở Tài chính thực hiện; hồ sơ được lưu trữ đầy đủ, chấp nhận bản điện tử có ký số, tạo điều kiện thuận lợi cho số hóa toàn trình quy trình quản lý và giám sát. - Nội dung quy định tại Điều này phù hợp với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 (có hiệu lực từ năm ngân sách 2026), Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi) và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ, bảo đảm tính thống nhất, khả thi và đúng thẩm quyền của cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh. - Quy trình này có ý nghĩa quan trọng trong việc chuẩn hóa, minh bạch hóa và số hóa quy trình hỗ trợ, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát chính

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
- Chi phí tổ chức (địa điểm, tài liệu, thù lao giảng viên, báo cáo viên, phương tiện, công tác phí, chi khác có chứng từ hợp lệ); - Chi phí hỗ trợ trực tiếp cho người tham dự (ăn, ở, đi lại, phụ cấp lưu trú) được chi trả theo danh sách và xác nhận tham dự hợp lệ. e) Nghiệm thu, thanh quyết toán và lưu hồ sơ: - Sau khi hoàn thành, đơn vị tổ chức lập báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo quyết toán kinh phí, danh sách người tham dự, chứng từ chi tiêu, gửi Sở Khoa học và Công nghệ để nghiệm thu. - Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Tài chính kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu và thanh quyết toán theo quy định hiện hành. - Hồ sơ được lưu trữ theo quy định của pháp luật về kế toán và lưu trữ nhà nước; được chấp nhận bản điện tử có ký số nếu nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.	sách và thúc đẩy việc ứng dụng, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong khu vực kinh tế tư nhân tỉnh Thanh Hóa.
2. Quy trình hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp sáng tạo a) Hồ sơ đề nghị hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này được nộp trực tiếp tại Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là Quỹ). Quỹ có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra và quản lý hồ sơ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, chấp nhận hồ sơ bản giấy hoặc hồ sơ điện tử có ký số hợp lệ. b) Việc tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, ký hợp đồng tín dụng và giải ngân vốn vay được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa phê duyệt, bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025 và các nghị định của Chính phủ về quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. c) Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, giám sát và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện nội dung hỗ trợ vay vốn quy định tại khoản này.	- Khoản này quy định trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức liên quan trong việc tiếp nhận, thẩm định và giải ngân hỗ trợ vay vốn khởi nghiệp sáng tạo từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thanh Hóa, nhằm bảo đảm việc triển khai chính sách minh bạch, đúng quy định pháp luật và thuận lợi cho đối tượng thụ hưởng. - Theo đó: + Hồ sơ đề nghị hỗ trợ vay vốn được nộp trực tiếp hoặc bằng hình thức điện tử có ký số tại Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Thanh Hóa. Quy định này tạo thuận lợi cho doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức khởi nghiệp trong việc nộp hồ sơ, đồng thời phù hợp với chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số trong tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính. Quỹ chịu trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra và quản lý hồ sơ theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, bảo đảm công khai, minh bạch và đúng trình tự. + Quy trình thẩm định, phê duyệt, ký hợp đồng tín dụng và giải ngân vốn vay được thực hiện theo Điều lệ của Quỹ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tuân thủ quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 và các nghị định của Chính phủ về quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	ngân sách. Cách quy định này bảo đảm việc hỗ trợ được thực hiện đúng pháp lý, đúng mục tiêu, an toàn về tài chính và hiệu quả trong quản lý vốn vay ưu đãi. + Sở Khoa học và Công nghệ được giao trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện, bảo đảm phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước và Quỹ trong quá trình tổ chức, đồng thời đánh giá, báo cáo định kỳ hiệu quả chính sách và việc sử dụng vốn hỗ trợ. - Khoản quy định này phù hợp với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 (có hiệu lực từ năm ngân sách 2026), bảo đảm sự thống nhất trong quản lý nguồn vốn hỗ trợ ngoài ngân sách. - Quy trình này góp phần chuẩn hóa và minh bạch hóa việc tiếp cận vốn khởi nghiệp sáng tạo, đồng thời thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo điều kiện cho khu vực kinh tế tư nhân tỉnh Thanh Hóa đầu tư nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới và thương mại hóa sản phẩm công nghệ cao một cách bền vững.
3. Quy trình hỗ trợ chi phí thuê không gian làm việc a) Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hỗ trợ: - Hằng năm, căn cứ nhu cầu đăng ký của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp và các đơn vị có nhu cầu thuê không gian làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh Thanh Hóa, các cơ sở có chức năng cho thuê không gian làm việc và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ thuê không gian làm việc. - Kế hoạch và dự toán kinh phí được gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp vào dự toán chi ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trong dự toán ngân sách hằng năm.	- Khoản này quy định trình tự, trách nhiệm và phương thức thực hiện hỗ trợ chi phí thuê không gian làm việc cho các doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức trung gian khởi nghiệp sáng tạo, nhằm bảo đảm triển khai chính sách minh bạch, đúng đối tượng và thuận lợi cho người thụ hưởng. - Cụ thể: + Về xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Trung tâm Công nghệ thông tin tỉnh và các đơn vị liên quan tổng hợp nhu cầu, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí hằng năm. Quy định này bảo đảm việc phân bổ, sử dụng nguồn ngân sách khoa học và công nghệ được thực hiện đúng quy trình, công khai và có sự giám sát của cơ quan tài chính. + Về tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ: Sở Khoa học và Công nghệ công khai nội dung, điều kiện và thủ tục trên Cổng thông tin điện tử và Trung tâm Phục vụ hành chính công, tiếp nhận hồ sơ trực tiếp hoặc trực tuyến, kiểm tra tính hợp

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
- Căn cứ nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán chi ngân sách hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giao dự toán chi sự nghiệp khoa học và công nghệ cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức thực hiện chính sách này. b) Tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ đăng ký hỗ trợ: - Căn cứ kế hoạch được duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo công khai nội dung hỗ trợ, điều kiện, hồ sơ, mẫu biểu, thời hạn tiếp nhận trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin của Sở và tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa. - Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng hỗ trợ nộp hồ sơ đăng ký tham gia hỗ trợ theo quy định tại điểm a mục 3.4 khoản 3 Điều 2 của Nghị quyết này, trước hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng thuê không gian làm việc. - Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ tiến hành kiểm tra, đánh giá tính hợp pháp và phù hợp của hồ sơ, tổng hợp, trình Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ. - Danh sách đối tượng được phê duyệt hỗ trợ được công khai trên Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ và là căn cứ để thanh toán kinh phí sau khi nghiệm thu. c) Tổ chức thực hiện và theo dõi sử dụng không gian làm việc: - Đối tượng được phê duyệt hỗ trợ ký cam kết sử dụng diện tích thuê đúng mục đích khởi nghiệp sáng tạo, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. - Đối tượng thuê tự thực hiện hợp đồng thuê, thanh toán chi phí thuê không gian làm việc theo hợp đồng đã ký với cơ sở cho thuê hợp pháp. - Trong thời gian sử dụng không gian, đối tượng hỗ trợ có trách nhiệm ghi chép, lưu giữ tài liệu, chứng từ, hình ảnh hoạt động, kết quả nghiên cứu, ươm tạo, kết nối chuyên gia, hợp tác... để phục vụ công tác kiểm tra, nghiệm thu. d) Nghiệm thu, thanh toán và quyết toán kinh phí hỗ trợ: - Định kỳ hằng năm (hoặc khi kết thúc hợp đồng thuê), đối tượng hỗ trợ lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ chi phí thuê không gian làm việc theo quy định tại điểm	lệ và phê duyệt danh sách hỗ trợ trong thời hạn quy định. Quy trình này đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và cá nhân dễ dàng tiếp cận chính sách thông qua môi trường số. + Về tổ chức thực hiện và theo dõi: Đối tượng được phê duyệt ký cam kết sử dụng không gian đúng mục đích khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời ghi chép, lưu giữ dữ liệu, hình ảnh hoạt động phục vụ kiểm tra, nghiệm thu, bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả trong sử dụng nguồn hỗ trợ. + Về nghiệm thu, thanh toán và quyết toán: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp Sở Tài chính và đơn vị cho thuê kiểm tra, nghiệm thu thực tế, xác nhận chi phí hợp lệ và thanh toán trực tiếp cho đối tượng, trên cơ sở hóa đơn, chứng từ và biên bản nghiệm thu hợp lệ. Cách thực hiện này bảo đảm đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán và quản lý chi ngân sách nhà nước. - Quy định trên phù hợp với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 (có hiệu lực từ năm ngân sách 2026), Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đồng thời thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác xét duyệt, giải ngân và giám sát chính sách. - Việc quy định quy trình rõ ràng, có cơ chế kiểm tra và nghiệm thu minh bạch giúp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, khuyến khích khu vực kinh tế tư nhân sử dụng hiệu quả không gian sáng tạo, phát triển hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
b mục 3.4 khoản 3 Điều 1 của Nghị quyết này, gửi Sở Khoa học và Công nghệ. - Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và đơn vị cho thuê không gian làm việc tiến hành kiểm tra, nghiệm thu thực tế, xác nhận khối lượng, diện tích, thời gian sử dụng và chi phí thuê hợp lệ. Kết quả kiểm tra được lập thành Biên bản (theo mẫu 06-CS3). - Căn cứ biên bản nghiệm thu, hóa đơn và chứng từ hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thanh toán kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng, bảo đảm đúng mức hỗ trợ, đúng đối tượng và đúng thời gian quy định.	
4. Quy trình hỗ trợ đổi mới quy trình sản xuất hoặc quy trình kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao 3.1. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký hỗ trợ a) Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực tiếp nhận, kiểm tra và thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ. b) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến, kèm đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định.	- Khoản này quy định trách nhiệm và phương thức tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ đổi mới quy trình sản xuất hoặc quy trình kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao, nhằm bảo đảm thực hiện thủ tục hành chính minh bạch, thuận tiện và đúng quy định pháp luật. - Theo đó, Sở Khoa học và Công nghệ được giao là cơ quan thường trực chịu trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra và thẩm định hồ sơ, bảo đảm thống nhất đầu mối quản lý, hướng dẫn và giải quyết thủ tục cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu thụ hưởng chính sách. - Đối tượng hỗ trợ nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến, kèm đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định. Quy định này tạo điều kiện cho việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ điện tử có ký số, phù hợp với chủ trương chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính, giảm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh và hợp tác xã. - Nội dung này phù hợp với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi) và các quy định về một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	- Quy định tại khoản này góp phần chuẩn hóa quy trình tiếp nhận, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa cơ quan chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công, đồng thời thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
3.2. Kiểm tra, thẩm định điều kiện hỗ trợ a) Trong 07 ngày làm việc kể từ khi tiếp nhận, Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ; trường hợp thiếu, hướng dẫn bổ sung một lần. b) Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định (ít nhất 07 thành viên; thành phần gồm: đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ làm Chủ tịch; đại diện Sở Tài chính, Sở Tư pháp và sở, ngành liên quan; đại diện chính quyền địa phương nơi triển khai; chuyên gia độc lập phù hợp chuyên môn; lãnh đạo các Hiệp hội nghề nghiệp có liên quan; thư ký là công chức của Sở Khoa học và Công nghệ). Hội đồng làm việc trên hồ sơ và kiểm tra thực tế khi cần thiết; họp đánh giá trong 20 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thành lập; họp khi có $\geq 2/3$ thành viên tham dự; đối tượng được đề nghị hỗ trợ khi có $> 3/4$ thành viên tham gia đánh giá thống nhất. c) Kiểm tra thực tế hiện trường (nếu cần): - Trường hợp hồ sơ đề nghị hỗ trợ có nội dung phức tạp, giá trị lớn hoặc cần xác minh tính chính xác của thông tin, công nghệ, quy trình, hiệu quả, Hội đồng thẩm định tổ chức kiểm tra thực tế hiện trường trước khi họp đánh giá chính thức. - Thành phần kiểm tra: Chủ tịch Hội đồng, đại diện Sở Khoa học và Công nghệ, đại diện Sở Tài chính, đại diện chính quyền địa phương nơi triển khai, các ủy viên chuyên gia kỹ thuật, đại diện đơn vị được đề nghị hỗ trợ và thư ký Hội đồng. - Nội dung kiểm tra: + Xác minh hiện trạng quy trình sản xuất hoặc quy trình kinh doanh trước và sau khi đổi mới;	- Khoản này quy định trình tự, nội dung và trách nhiệm trong việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ đổi mới quy trình sản xuất hoặc kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao, nhằm bảo đảm việc xét chọn đúng đối tượng, đúng tiêu chí và hiệu quả thực chất của hoạt động hỗ trợ. - Cụ thể: + Về kiểm tra hồ sơ: Trong 07 ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ; trường hợp thiếu, hướng dẫn bổ sung một lần. Quy định này giúp rút ngắn thời gian xử lý, giảm thủ tục hành chính, bảo đảm minh bạch và công bằng cho đối tượng thụ hưởng. + Về thẩm định hồ sơ: Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng thẩm định gồm đại diện các cơ quan quản lý, chuyên gia độc lập và hiệp hội nghề nghiệp có liên quan. Hội đồng làm việc độc lập, khách quan, tổ chức họp trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày thành lập, bảo đảm có đủ thành phần chuyên môn để đánh giá toàn diện về tính pháp lý, tính công nghệ và tính hiệu quả của dự án. + Về kiểm tra thực tế hiện trường: Được áp dụng đối với hồ sơ có giá trị lớn hoặc nội dung kỹ thuật phức tạp, nhằm xác minh tính chính xác, minh chứng thực tế và hiệu quả của hoạt động đổi mới. Việc kiểm tra tập trung vào: hiện trạng quy trình trước – sau đổi mới; mức độ ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến; và kết quả định lượng về năng suất, chi phí, năng lượng, chất lượng sản phẩm, phát thải hoặc mô hình kinh doanh mới. Biên bản kiểm tra là tài liệu bắt buộc, làm căn cứ quan trọng trong đánh giá của Hội đồng. + Về nội dung thẩm định: Hội đồng đánh giá các nhóm tiêu chí gồm: Tính hợp pháp và đầy đủ của hồ sơ; Tính phù hợp mục tiêu, phạm vi, đối tượng và mức chi theo quy định; Tính công nghệ, bảo đảm thuộc Danh mục công nghệ

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
+ Kiểm tra thực tế việc ứng dụng công nghệ cao hoặc công nghệ tiên tiến (thiết bị, phần mềm, dây chuyền, hệ thống điều khiển, nền tảng số, sản phẩm đầu ra...); + Đối chiếu hồ sơ kỹ thuật, chứng từ, hóa đơn, hợp đồng chuyển giao, biên bản nghiệm thu và minh chứng thực tế; + Ghi nhận số liệu, hình ảnh, video, tài liệu kỹ thuật chứng minh hiệu quả ứng dụng công nghệ cao (năng suất, chi phí, năng lượng, phát thải, chất lượng, sản phẩm hoặc mô hình mới). - Kết quả kiểm tra được lập thành Biên bản (theo mẫu 04-CS4), có chữ ký của các thành viên Hội đồng tham gia và đại diện đơn vị được kiểm tra; Biên bản là tài liệu bắt buộc kèm theo hồ sơ thẩm định, làm căn cứ xem xét, đánh giá tại cuộc họp Hội đồng. - Trường hợp Hội đồng không tổ chức kiểm tra thực tế, Sở Khoa học và Công nghệ có thể yêu cầu đơn vị đề nghị hỗ trợ bổ sung tài liệu, hình ảnh, kết quả kiểm định, chứng nhận hoặc xác nhận độc lập để thay thế minh chứng hiện trường. d) Nội dung thẩm định: - Tính hợp pháp, đầy đủ của hồ sơ; sự phù hợp mục tiêu, phạm vi, đối tượng theo mục 4.1, 4.2 và 4.3 khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này; mức chi so với định mức áp dụng; năng lực thực hiện của đơn vị. - Tính công nghệ: công nghệ thuộc Danh mục công nghệ cao hoặc tiên tiến tại Phụ lục I; tuân thủ quy định khuyến khích - hạn chế - cấm chuyển giao (nếu có); trường hợp thuộc diện phải đăng ký chuyển giao công nghệ theo khoản 1 Điều 31 Luật Chuyển giao công nghệ 2017 (chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam; từ Việt Nam ra nước ngoài; chuyển giao trong nước có sử dụng vốn ngân sách nhà nước), đối tượng phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ hoặc giấy phép theo quy định. - Kết quả, hiệu quả: có so sánh trước và sau theo tiêu chí định lượng tại mục 4.3 khoản 4 Điều 2 Nghị quyết này (năng suất, chi phí, năng lượng, phát thải, chất lượng, sản phẩm hoặc dịch vụ hoặc mô hình mới, sở hữu trí tuệ...).	cao hoặc công nghệ tiên tiến và tuân thủ quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017; Hiệu quả định lượng, so sánh trước và sau đổi mới theo các tiêu chí quy định tại mục 4.3 khoản 4 Điều 2 của Nghị quyết. - Về kết quả thẩm định: Hội đồng lập Biên bản họp (theo mẫu 05-CS3), làm cơ sở để Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định. Trường hợp không đủ điều kiện, Sở thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do, bảo đảm tính công khai, minh bạch và quyền giải trình của tổ chức, cá nhân. - Nội dung này phù hợp với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 và Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 (có hiệu lực từ năm ngân sách 2026), đồng thời thống nhất với quy định của Chính phủ về quản lý quỹ và thẩm định hỗ trợ tài chính công. - Quy định quy trình thẩm định chặt chẽ, có sự tham gia của chuyên gia độc lập và kiểm tra thực tế giúp đảm bảo tính khoa học, khách quan và hiệu quả của hoạt động hỗ trợ, góp phần thúc đẩy doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, ứng dụng công nghệ cao, đổi mới quy trình sản xuất – kinh doanh và chuyển đổi số trong khu vực kinh tế tư nhân tỉnh Thanh Hóa.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
đ) Kết quả thẩm định được lập thành Biên bản họp Hội đồng (theo mẫu 05-CS3); trường hợp không đủ điều kiện, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do.	
3.3. Thẩm định kinh phí hỗ trợ a) Trong 05 ngày làm việc kể từ khi có Biên bản của Hội đồng thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ dự thảo tờ trình kèm hồ sơ gửi Sở Tài chính để thẩm định mức kinh phí hỗ trợ cụ thể (căn cứ hóa đơn, hợp đồng, chứng từ, biên bản nghiệm thu, kết quả kiểm tra hiện trường). b) Sở Tài chính thẩm định trong 10 ngày làm việc, bảo đảm điều kiện kinh phí, cơ sở pháp lý, hồ sơ chứng từ, có thể thuê thẩm định giá hoặc đơn vị tư vấn độc lập khi cần; trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ.	- Khoản này quy định trình tự, thời hạn và trách nhiệm của các cơ quan trong việc thẩm định mức kinh phí hỗ trợ đối mới quy trình sản xuất hoặc quy trình kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao, nhằm bảo đảm việc phê duyệt, cấp phát kinh phí đúng quy định, đúng đối tượng và có căn cứ pháp lý, tài chính rõ ràng. - Cụ thể: + Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi có Biên bản họp Hội đồng thẩm định, phải lập tờ trình kèm hồ sơ gửi Sở Tài chính để thẩm định mức kinh phí hỗ trợ cụ thể. Hồ sơ làm căn cứ gồm hóa đơn, hợp đồng, chứng từ, biên bản nghiệm thu và kết quả kiểm tra hiện trường, bảo đảm minh bạch, có đủ căn cứ kỹ thuật và tài chính để xác định chi phí hợp lệ. + Sở Tài chính thực hiện thẩm định trong 10 ngày làm việc, xem xét tính đúng đắn, hợp pháp, hợp lệ của kinh phí, đối chiếu với quy định của pháp luật về quản lý tài chính công, kế toán, định mức chi sự nghiệp khoa học và công nghệ và có thể thuê đơn vị tư vấn độc lập hoặc thẩm định giá khi cần thiết. Sau khi hoàn tất, Sở Tài chính trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt mức hỗ trợ. - Quy định này phù hợp với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 (có hiệu lực từ năm ngân sách 2026), Luật Kế toán năm 2015 và các văn bản hướng dẫn về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ, bảo đảm việc hỗ trợ có kiểm soát, đúng quy trình và phù hợp khả năng cân đối ngân sách. - Nội dung này góp phần tăng cường phối hợp giữa cơ quan chuyên môn và cơ quan tài chính, bảo đảm quá trình hỗ trợ được kiểm soát chặt chẽ cả về kỹ thuật, hiệu quả và tài chính, đồng thời thúc đẩy việc sử dụng ngân sách nhà nước minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả, qua đó tạo động lực khuyến khích

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	doanh nghiệp đầu tư, ứng dụng công nghệ cao và đổi mới sáng tạo trong sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
3.4. Phê duyệt và tổ chức thực hiện hỗ trợ a) Trong 15 ngày làm việc kể từ khi nhận tờ trình và hồ sơ do Sở Tài chính trình, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt mức hỗ trợ hoặc có văn bản trả lời, nêu rõ lý do không chấp thuận. b) Sau khi có Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Tài chính cấp kinh phí hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng qua tài khoản ngân hàng đã đăng ký; c) Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, lập báo cáo tổng hợp theo quy định.	- Khoản này quy định thẩm quyền, trình tự và trách nhiệm của các cơ quan trong việc phê duyệt, cấp phát và quản lý kinh phí hỗ trợ đổi mới quy trình sản xuất hoặc quy trình kinh doanh trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao, bảo đảm việc hỗ trợ được thực hiện đúng quy định, đúng đối tượng, công khai và minh bạch. - Cụ thể: + Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là người có thẩm quyền phê duyệt mức hỗ trợ trên cơ sở hồ sơ thẩm định của Sở Tài chính. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt mức hỗ trợ hoặc có văn bản trả lời nêu rõ lý do không chấp thuận. Quy định này bảo đảm tính chặt chẽ, đúng thẩm quyền và trách nhiệm hành chính trong việc sử dụng nguồn ngân sách nhà nước. + Sau khi có Quyết định phê duyệt, Sở Tài chính thực hiện cấp kinh phí hỗ trợ cho đối tượng thụ hưởng thông qua tài khoản ngân hàng đã đăng ký, đảm bảo quy trình thanh toán không dùng tiền mặt, đúng quy định về quản lý tài chính công, kế toán và kho bạc nhà nước. + Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí đúng mục đích, lập báo cáo tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện và hiệu quả ứng dụng công nghệ cao, đồng thời đề xuất biện pháp xử lý các trường hợp sai phạm, sử dụng sai mục đích hoặc không đạt hiệu quả. - Khoản quy định này phù hợp với Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 (có hiệu lực từ năm ngân sách 2026), Luật Kế toán năm 2015 và các quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán và quyết toán kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ. - Việc quy định rõ trách nhiệm của từng cơ quan giúp tăng tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quá trình phê duyệt, cấp phát và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ, đồng thời thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của khu

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	vực kinh tế tư nhân, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư công và phát triển bền vững kinh tế – xã hội tỉnh Thanh Hóa.
Điều 4. Nguồn kinh phí và bồi hoàn kinh phí	- Điều này quy định nguồn kinh phí và cơ chế bồi hoàn để thực hiện chính sách hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân trong khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. - Kinh phí được bố trí từ ngân sách tỉnh (chi sự nghiệp khoa học và công nghệ) và huy động thêm nguồn vốn hợp pháp khác; việc sử dụng, thanh quyết toán thực hiện theo quy định của pháp luật tài chính. - Trường hợp sử dụng sai mục đích hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ, đối tượng phải bồi hoàn kinh phí; Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Tài chính tổ chức thu hồi, xử lý theo quy định. - Nội dung này bảo đảm quản lý tài chính minh bạch, hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.
1. Nguồn kinh phí thực hiện a) Kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ ngân sách nhà nước cấp tỉnh, ghi trong nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc dự toán ngân sách tỉnh hằng năm, do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán để tổ chức thực hiện. b) Khuyến khích huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, các quỹ phát triển khoa học và công nghệ, các chương trình, dự án, tài trợ, viện trợ trong và ngoài nước, để cùng thực hiện các nội dung hỗ trợ. c) Kinh phí phục vụ công tác thẩm định, đánh giá, kiểm tra và nghiệm thu gồm: chi tổ chức Hội đồng thẩm định, thuê thẩm định giá, thuê đơn vị tư vấn hoặc chuyên gia độc lập, kiểm tra thực tế, đánh giá hồ sơ, điều kiện thụ hưởng và các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác thẩm định, xét chọn, nghiệm thu, tổng hợp, báo cáo. Các khoản chi này được thanh toán từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ trong dự toán ngân sách tỉnh hằng	- Khoản này quy định nguồn kinh phí để triển khai các chính sách hỗ trợ được nêu trong Nghị quyết, bảo đảm có cơ sở pháp lý, tính khả thi và phù hợp với quy định về quản lý tài chính công. - Cụ thể, ngân sách nhà nước cấp tỉnh là nguồn kinh phí chủ yếu, được bố trí trong chi sự nghiệp khoa học và công nghệ hằng năm, do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán để thực hiện. Quy định này bảo đảm nguồn lực ổn định, minh bạch và đúng thẩm quyền theo Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 (có hiệu lực từ năm ngân sách 2026) và Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. - Bên cạnh đó, chính sách khuyến khích huy động các nguồn kinh phí hợp pháp khác, bao gồm vốn của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, các quỹ phát triển khoa học và công nghệ, chương trình, dự án, tài trợ và viện trợ trong và ngoài nước. Cách tiếp cận này góp phần đa dạng hóa nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. - Kinh phí cho công tác thẩm định, đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu được bố trí từ nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, với mức chi theo quy định

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
năm, áp dụng mức chi theo quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và các quy định tài chính hiện hành của Nhà nước.	hiện hành, nhằm bảo đảm chất lượng, tính khách quan và hiệu quả trong quá trình xét chọn, thẩm định và quản lý chính sách. - Nội dung khoản này góp phần bảo đảm tính bền vững của nguồn lực tài chính, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế tư nhân tỉnh Thanh Hóa theo hướng hiện đại, bền vững.
2. Quy định bồi hoàn kinh phí a) Nguyên tắc bồi hoàn: - Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung của Nghị quyết này nhưng không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không đúng mục tiêu, nội dung cam kết hoặc vi phạm các quy định hiện hành, gây thất thoát, lãng phí, phải bồi hoàn toàn bộ hoặc một phần kinh phí đã nhận. - Việc bồi hoàn thực hiện theo nguyên tắc bồi hoàn đúng số tiền hỗ trợ và nộp trả về ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn. b) Các trường hợp phải bồi hoàn: + Không triển khai hoặc dừng thực hiện nhiệm vụ, dự án, kế hoạch được phê duyệt mà không có lý do bất khả kháng được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. + Thực hiện sai nội dung, mục tiêu, đối tượng hỗ trợ; sử dụng kinh phí sai mục đích. + Từ chối, không phối hợp cung cấp hồ sơ, tài liệu để kiểm tra, giám sát, quyết toán kinh phí. + Vi phạm các điều kiện ràng buộc khác được ghi trong hợp đồng, thỏa thuận hoặc quyết định phê duyệt hỗ trợ. c) Mức bồi hoàn: - Bồi hoàn 100% kinh phí đã nhận nếu vi phạm nghiêm trọng hoặc không thực hiện nhiệm vụ.	- Khoản này quy định nguyên tắc, trường hợp, mức và quy trình bồi hoàn kinh phí hỗ trợ nhằm bảo đảm việc sử dụng ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng đối tượng và hiệu quả, phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 (có hiệu lực từ năm ngân sách 2026), Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 và các văn bản pháp luật liên quan. - Theo đó, tổ chức, cá nhân được hỗ trợ nhưng không thực hiện hoặc thực hiện sai nội dung, mục tiêu, sử dụng sai kinh phí phải bồi hoàn toàn bộ hoặc một phần kinh phí theo mức độ vi phạm; trường hợp vi phạm nghiêm trọng phải hoàn trả 100% kinh phí đã nhận và nộp vào ngân sách tỉnh. - Quy trình bồi hoàn được thực hiện minh bạch, gồm các bước: kiểm tra, xác định số tiền phải thu hồi; thẩm định của Sở Tài chính; UBND tỉnh ban hành quyết định thu hồi; tổ chức, cá nhân hoàn trả trong 30 ngày, quá thời hạn sẽ bị cưỡng chế và xử lý vi phạm theo quy định. - Nội dung này góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, nâng cao trách nhiệm của đối tượng thụ hưởng trong việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ, đồng thời thúc đẩy thực thi hiệu quả các hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
- Bồi hoàn tương ứng phần kinh phí đã sử dụng sai mục đích hoặc phần khối lượng không thực hiện được đối với các trường hợp vi phạm một phần. - Tiền bồi hoàn bao gồm kinh phí gốc và lãi chậm nộp tính theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn bình quân của các ngân hàng thương mại nhà nước tại thời điểm thu hồi. d) Quy trình bồi hoàn: - Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức kiểm tra, giám sát lập biên bản xác định số tiền phải bồi hoàn. Tổng hợp hồ sơ gửi sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định thu hồi. - Trong trường hợp cần thiết, sở Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng kiểm tra, giám sát lập biên bản xác định số tiền phải bồi hoàn, thành phần và tổ chức của Hội đồng thực hiện theo mục 3.2 khoản 4 Điều 3 của Nghị quyết này. - Tổ chức, cá nhân vi phạm phải nộp trả kinh phí vào tài khoản thu ngân sách của tỉnh trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận quyết định thu hồi. - Quá thời hạn trên mà chưa nộp đủ, cơ quan tài chính thực hiện biện pháp cưỡng chế thu hồi theo quy định pháp luật. đ) Xử lý vi phạm và trách nhiệm liên quan: Trường hợp chậm nộp hoặc cố tình không nộp, ngoài việc cưỡng chế thu hồi, tổ chức, cá nhân còn bị xử lý theo quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính, Luật Phòng chống tham nhũng, Bộ luật Hình sự (nếu có dấu hiệu tội phạm).	
Điều 5. Tổ chức thực hiện 1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định hiện hành của pháp luật để tổ chức triển khai thực hiện. 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.	- Điều này quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh trong việc tổ chức triển khai, quản lý và giám sát thực hiện Nghị quyết, bảo đảm chính sách được thực thi đúng quy định, đồng bộ và hiệu quả. - Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm ban hành các văn bản hướng dẫn, bố trí nguồn lực, chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tổ chức triển khai các nội dung hỗ trợ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời định kỳ báo cáo kết quả thực hiện, đánh giá tác động và đề xuất điều chỉnh khi cần thiết.

DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	- Hội đồng nhân dân tỉnh và các cơ quan trực thuộc thực hiện giám sát việc thực hiện Nghị quyết, bảo đảm việc sử dụng kinh phí, triển khai chính sách công khai, minh bạch, đúng đối tượng và đúng mục tiêu hỗ trợ. - Nội dung này phù hợp với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các quy định về phân cấp, giám sát hoạt động của HĐND và UBND, góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước và thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong khu vực kinh tế tư nhân tỉnh Thanh Hóa.
Điều 6. Điều khoản thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025 đến hết ngày ... tháng ... năm 2030. 2. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết này phải bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chính sách hỗ trợ hiện hành của Trung ương và của tỉnh, đồng thời sử dụng hiệu quả các nguồn lực. 3. Khi các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.	- Điều này quy định thời hạn hiệu lực, nguyên tắc thực hiện và cách áp dụng văn bản pháp luật liên quan nhằm bảo đảm tính thống nhất, minh bạch và ổn định trong quá trình triển khai Nghị quyết. - Cụ thể, Nghị quyết có hiệu lực từ năm 2025 đến hết năm 2030, phù hợp với chu kỳ kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh, tạo cơ sở pháp lý ổn định cho việc triển khai chính sách. - Quy định yêu cầu không chồng chéo, trùng lặp với các chính sách hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh, bảo đảm sử dụng hiệu quả ngân sách và nguồn lực xã hội hóa, tránh dàn trải, trùng lặp đối tượng thụ hưởng. - Khoản 3 quy định việc áp dụng linh hoạt các văn bản pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, nhằm đảm bảo tính cập nhật, thống nhất và phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành. - Nội dung Điều này phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi) và góp phần bảo đảm việc thực thi chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại tỉnh Thanh Hóa được triển khai hiệu quả, đồng bộ và bền vững.